

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về thu hồi đất đối với dự án đầu tư vi phạm pháp luật về đất đai trong khu công nghệ cao và dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tại Tờ trình số 1157/TTr-BQL ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Công văn số 1850/BQL-QLQHXD ngày 20/8/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về thu hồi đất đối với dự án đầu tư vi phạm pháp luật về đất đai trong khu công nghệ cao và dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .16.. tháng .9. năm 2019. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch UBND các phường, xã; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- CVP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND TP;
- Toà án nhân dân TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBMTTQVN TPĐN;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để công khai văn bản);
- Lưu: VT, ĐTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Dặng Việt Dũng

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về thu hồi đất đối với dự án đầu tư vi phạm pháp luật về đất đai trong khu công nghệ cao và dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số ..38.../2019/QĐ-UBND
ngày ..03... tháng ..9... năm 2019 của UBND thành phố)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về thu hồi đất đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ cao vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai 2013 và thu hồi đất đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định tại Khoản 36, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) sửa đổi bổ sung Điều 51 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP), như sau:

1. Đối với khu công nghệ cao: Thu hồi đất đã cho thuê đối với trường hợp người sử dụng đất có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai 2013.

2. Đối với khu công nghiệp

a) Thu hồi đất trong trường hợp bên thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp mà không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất trong khu công nghiệp với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng;

b) Thu hồi đất trong trường hợp bên thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trước ngày 03 tháng 3 năm 2017 mà bên thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất hoặc quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng.

3. Việc thu hồi đất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, thảm họa môi trường;

- b) Do ảnh hưởng trực tiếp của hỏa hoạn, dịch bệnh;
- c) Do ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh;
- d) Các trường hợp bất khả kháng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai.

2. Bên thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp mà không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất trong khu công nghiệp với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

3. Bên thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trước ngày 03 tháng 3 năm 2017, trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà:

a) Không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất;

b) Quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng.

4. UBND thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm Luật Đất đai

Thu hồi đất do vi phạm Luật Đất đai thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013, cụ thể như sau:

1. Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

2. Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

3. Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

4. Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

5. Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

6. Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

7. Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

8. Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

9. Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp người sử dụng đất có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trong Khu công nghệ cao

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Trường hợp vi phạm pháp luật mà phải thu hồi đất, khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm lập biên bản về vi phạm hành chính để làm căn cứ quyết định thu hồi đất.

Trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì biên bản xác định hành vi vi phạm phải có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp xã làm chứng để làm căn cứ quyết định thu hồi đất và được lập theo quy định sau đây:

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng theo dõi, kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm pháp luật tại các điểm a, b, c, d, e, g và i Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai 2013. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thông báo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thanh tra, kiểm tra.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra để xác định hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i Khoản 1 Điều 64 của Luật đất đai.

3. Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm, biên bản làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi đất.

Hồ sơ đề nghị thu hồi đất thực hiện theo Khoản 1, Điều 12 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, bao gồm:

- a) Biên bản về vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các Điểm a, b và e Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai (đã có khi xử phạt vi phạm hành chính);
- b) Biên bản làm việc để xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các Điểm c, d, g và i Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai (đã có khi thực hiện kiểm tra, thanh tra xác định vi phạm hành chính);
- c) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (nếu có);
- d) Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có);
- đ) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;
- e) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này 30/2014/TT-BTNMT.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thu hồi đất của bên thuê đất giao cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Việc xử lý tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại thực hiện như đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Trường hợp người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thực hiện thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất trong các khu công nghiệp

1. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp lập hồ sơ báo cáo kèm theo danh sách những trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng sau khi có văn bản yêu cầu bên thuê lại đất đưa đất vào sử dụng đối với các trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất.

Trường hợp người sử dụng đất thuê lại đất trước 03/3/2017, thời gian để xác định hành vi không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng thực hiện theo Điều 51 Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Điểm 8, Khoản 36, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, gửi báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ báo cáo bao gồm:

- a) Báo cáo kèm theo danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất;
- b) Văn bản yêu cầu bên thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đối với bên thuê lại đất;
- c) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính diện tích đất không đưa vào sử dụng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tổ chức thanh, kiểm tra trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo.

3. Sau khi có kết luận thanh tra, kiểm tra, trong thời hạn 07 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ đề nghị thu hồi đất trình UBND thành phố.

Hồ sơ đề nghị thu hồi đất thực hiện theo Khoản 1, Điều 12 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, bao gồm:

a) Báo cáo kiểm tra hoặc kết luận thanh tra xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của bên thuê lại đất kèm theo Biên bản làm việc xác định hành vi vi phạm;

b) Báo cáo của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp kèm theo danh sách bên thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất;

c) Văn bản yêu cầu bên thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đối với bên thuê lại đất;

d) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (nếu có);

đ) Hợp đồng cho thuê lại đất;

e) Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có);

f) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất;

g) Tờ trình đề nghị thu hồi đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, UBND thành phố ra quyết định thu hồi đất của bên thuê lại đất giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp quản lý, xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng

1. Đối với Khu công nghệ cao

a) Quản lý quỹ đất đã thu hồi;

b) Khi ký hợp đồng cho thuê đất phải xác định cụ thể tiến độ sử dụng đất tương ứng với tiến độ thực hiện dự án đầu tư và biện pháp xử lý nếu bên thuê đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng;

c) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đã giao kết trong hợp đồng;

d) Rà soát, lập danh sách các trường hợp người sử dụng đất có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định của pháp luật;

e) Hàng năm, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Tổng cục Quản lý đất đai và công bố công khai diện tích đất chưa cho thuê trong Khu công nghệ cao trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân thành phố và của Tổng cục Quản lý đất đai.

2. Đối với các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố

a) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp thực hiện trách nhiệm của đơn vị đối với khu công nghiệp do đơn vị làm chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 5, Quy định này;

b) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp thuê lại đất trong các khu công nghiệp đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đăng ký;

c) Trường hợp doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp không thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của đơn vị theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Quy định này, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng chịu trách nhiệm rà soát, lập danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng

đất đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất trong các khu công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý theo quy định;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý theo quy định đối với trường hợp doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp không thực hiện đúng, đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Khoản 1, Điều 5, Quy định này;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra các vi phạm về đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường và doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, các Sở, ngành có liên quan, doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tổ chức kiểm tra, thanh tra các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai trong khu công nghệ cao, các trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong các khu công nghiệp;

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi đất, giao lại cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp quản lý;

c) Chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không còn giá trị pháp lý đối với trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này và định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trong việc kiểm tra, thanh tra các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai trong khu công nghệ cao, không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong các khu công nghiệp.

3. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 51 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Khoản 36, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP;

b) Thông báo Hợp đồng thuê lại đất giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp với bên thuê lại đất hết hiệu lực sau khi Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực thi hành;

c) Quản lý quỹ đất đã thu hồi; xây dựng phương án cho thuê lại đất nhằm đưa đất vào sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm; có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê lại đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đã giao kết trong hợp đồng;

d) Xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan với bên thuê lại đất theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *se*



Đặng Việt Dũng